

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <u>ĐK-ĐK . QT . 12</u>
		Lần ban hành: <u>04</u>
		Ngày hiệu lực: <u>15.1.8/2025</u>
		Trang: <u>1</u>

	Biên soạn	Xem xét		Phê duyệt
Chữ ký				
Họ tên	BS. CKI. Trương Hoàng Sang	ThS. BS. Trần Xuân Bách	PGS. TS. BS Trần Thị Mộng Hiệp	TS. BS Võ Thành Liêm
Chức danh	Chuyên viên Phòng Kế hoạch – Nghị vụ PK	Tổ Giúp việc Hội đồng Quản lý chất lượng PK	Ban Cố vấn chuyên môn PK	Phó Trưởng Phòng khám – Chịu trách nhiệm chuyên môn PK

THEO DÕI SỬA ĐỔI

Ngày	Nội dung sửa đổi	Lần Ban hành
08/5/2023	Phụ lục 1; Phụ lục 2	2
11/01/2024	Lưu đồ quy trình; Lưu ý, Phụ lục 1, 2, 3, 4, 5	3
08/05/2024	Mẫu quy trình	4

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <u>PKH. QT. 2</u>
		Lần ban hành: <u>04</u>
		Ngày hiệu lực: <u>13/12/2025</u>
		Trang: <u>2</u>

1 Mục đích

Quy định thống nhất về trình tự, cách thức phối hợp trong quá trình khám và trả kết quả khám sức khỏe (KSK) tại Phòng khám

2 Phạm vi

Quy trình này áp dụng nội bộ cho tình huống KSK tại Phòng khám.

3 Trách nhiệm

Ban lãnh đạo Phòng khám có trách nhiệm triển khai - giám sát việc thực hiện quy trình này. Các phòng ban chức năng có trách nhiệm hỗ trợ - theo dõi việc thực hiện quy trình, tuân thủ việc cung cấp thông tin, tham gia kiểm tra - phân tích và đề xuất ý kiến. Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ PK (P.KHNV) chịu trách nhiệm chính tổ chức kiểm tra, họp phân tích và báo cáo cho Ban lãnh đạo PK. Các nhân viên y tế có trách nhiệm thực hiện đúng và nghiêm túc quy trình KSK tại PK.

4 Nguyên tắc

- Đảm bảo thuận tiện cho khách hàng.
- Thuận tiện trong lưu trữ và bảo mật thông tin
- Hạn chế sai sót y khoa



QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE

Mã số: PHÒNG .CT. 12

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: 13/12/2025

Trang: 3

5 Quy trình tổ chức khám sức khỏe tại PK:

Trách nhiệm	Các bước thực hiện	Mô tả/ các biểu mẫu
Công ty/ Doanh nghiệp/ Khách hàng cá nhân có nhu cầu KSK	Yêu cầu khám sức khỏe	- Công ty/ Doanh nghiệp có nhu cầu KSK định kỳ cho nhân viên: liên hệ Tổ Khám sức khỏe đoàn PK để tiến hành thương thảo hợp đồng - Khách hàng cá nhân: + Đến phòng Tiếp nhận để đăng kí khám + Chuẩn bị: Giấy tờ tùy thân (CMND, CCCD), 01 tấm hình chân dung kích thước 4cm×6cm được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ KSK.
Phòng Tiếp nhận	Xử lý yêu cầu	- Tiếp nhận yêu cầu của khách hàng - Đối chiếu ảnh trong hồ sơ KSK với người đến KSK - Đóng dấu giáp lai vào ảnh sau khi đã đối chiếu - Kiểm tra đối chiếu giấy tờ tùy thân hợp lệ của thân nhân người bệnh đối với trường hợp quy định - Phát hồ sơ KSK và kiểm tra hồ sơ theo quy định: + Đối với người được KSK định kỳ, hồ sơ KSK bao gồm: a) Sổ KSK định kỳ (Phụ lục 3) b) Giấy giới thiệu của cơ quan, tổ chức nơi người đó đang làm việc đối với trường hợp KSK định kỳ đơn lẻ hoặc



QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE

Mã số: **PHAK QT 12**

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: **13.10.2025**

Trang: 4

có tên trong danh sách KSK định kỳ do cơ quan, tổ chức nơi người đó đang làm việc xác nhận để thực hiện KSK định kỳ theo hợp đồng.

+ Khách hàng cá nhân

a) Hồ sơ KSK của người từ đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên là giấy KSK theo mẫu quy định tại **Phụ lục 1**, có dán ảnh chân dung cỡ 04cm x 06cm, được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ KSK.

b) Hồ sơ KSK của người chưa đủ 18 (mười tám) tuổi là giấy KSK theo mẫu quy định tại **Phụ lục 2**, có dán ảnh chân dung cỡ 04cm x 06cm, được chụp trên nền trắng trong thời gian không quá 06 (sáu) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ KSK.

c) Đối với người mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự đề nghị KSK nhưng không thuộc trường hợp KSK định kỳ, hồ sơ KSK bao gồm:

+ Giấy KSK theo quy định tại Phụ lục 1 hoặc 2;

+ Văn bản đồng ý của thân nhân người bệnh quy định tại khoản 11 Điều 2 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Hướng dẫn khách hàng KSK phải kê khai đầy đủ tiền sử vào hồ sơ KSK

- Hướng dẫn khách hàng đóng lệ phí KSK.

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: PKAK. Q7.12
		Lần ban hành: 04
		Ngày hiệu lực: 13.10.2025
		Trang: 5

Phòng Tài chính – Kế toán	Thu phí khám	- Thu phí khám - Hướng dẫn khách hàng vào PK
Các Đơn vị chuyên môn	Khám lâm sàng và cận lâm sàng	- Khách hàng phải kê khai đầy đủ thông tin: + Tiền sử gia đình + Tiền sử, bệnh bản thân. + Các câu hỏi khác (nếu có) theo mẫu KSK - Khách hàng KSK cam đoan những điều khai trên hoàn toàn đúng với sự thật. nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và ký tên vào hồ sơ KSK - Khách hàng KSK và thực hiện khám theo các mục trong giấy khám: - Đối với KSK cho người từ đủ 18 (mười tám) tuổi trở lên nhưng không thuộc trường hợp KSK định kỳ: Khám theo nội dung ghi trong giấy KSK quy định tại Phụ lục 1. - Đối với KSK cho người chưa đủ 18 (mười tám) tuổi nhưng không thuộc trường hợp KSK định kỳ: Khám theo nội dung ghi trong giấy KSK quy định tại Phụ lục 2. - Đối với trường hợp KSK định kỳ: Khám theo nội dung ghi trong sổ KSK định kỳ quy định tại Phụ lục 3. - Đối với lao động nữ, khi KSK định kỳ được khám chuyên khoa phụ sản theo

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: NAK.QT.12
		Lần ban hành: 04
		Ngày hiệu lực: 13/8/2025
		Trang: 6

		danh mục quy định tại Phụ lục 4. - Phải khám đầy đủ các nội dung theo từng chuyên khoa. Trường hợp khó cần hội chẩn hoặc chỉ định làm cận lâm sàng để chẩn đoán xác định và mức độ bệnh, tật làm cơ sở phân loại sức khỏe. - Đối với trường hợp KSK theo yêu cầu chỉ khám, kết luận đối với từng chuyên khoa theo yêu cầu và không phân loại sức khỏe. - Sau khi khám xong, khách hàng trả hồ sơ KSK tại phòng Tiếp nhận.
Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ	Kết luận	- Nhận giấy KSK từ phòng Tiếp nhận và kết luận theo: + Tiêu chuẩn phân loại sức khỏe của người được KSK thực hiện theo quy định của Bộ Y tế. + Căn cứ vào kết quả khám chuyên khoa, người thực hiện khám chuyên khoa ghi rõ bệnh, tật thuộc chuyên khoa đã khám và phân loại sức khỏe theo chuyên khoa được phân công khám. + Căn cứ vào kết quả khám của từng chuyên khoa, người hành nghề được PK phân công thực hiện việc kết luận phân loại sức khỏe và ký giấy KSK, sổ KSK định kỳ (sau đây gọi tắt là người kết luận) thực hiện việc kết luận phân loại sức khỏe như sau:



QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE

Mã số: PK-KQT.12

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: 13.12.2025

Trang: 7

a) Phân loại sức khỏe cho người được KSK thực hiện theo quy định của Bộ Y tế về việc ban hành tiêu chuẩn phân loại sức khỏe để khám tuyển, KSK định kỳ cho người lao động;

b) Trường hợp người được KSK có bệnh, tật thì người kết luận tư vấn phương án điều trị, phục hồi chức năng hoặc giới thiệu để khám bệnh, chữa bệnh.

+ Sau khi phân loại sức khỏe, người kết luận phải ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của PK vào giấy KSK hoặc sổ KSK định kỳ. (Con dấu sử dụng trong giao dịch chính thức của PK theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng con dấu)

+ Đối với những trường hợp KSK theo bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam ban hành hoặc thừa nhận thì việc phân loại sức khỏe căn cứ vào quy định của bộ tiêu chuẩn sức khỏe chuyên ngành đó.

+ Đối với những trường hợp KSK theo yêu cầu nhưng không khám đầy đủ các chuyên khoa theo mẫu giấy KSK quy định, PK chỉ khám, kết luận đối với từng chuyên khoa theo yêu cầu của người được KSK và không phân loại sức khỏe.

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: PKĐK.QT.12
		Lần ban hành: 04
		Ngày hiệu lực: 13/8/2025
		Trang: 8

Phòng Tổ chức Hành chính PK (P.TCHC)	Đóng dấu giấy KSK	- Nhận hồ sơ KSK từ P.KHN - Đóng mộc hồ sơ KSK và lưu trữ 01 bản - Đối với KSK định kỳ: Đóng mộc hồ sơ KSK và gửi tổ khám sức khỏe thực hiện tiếp quy trình Khám sức khỏe đoàn.
Phòng Tiếp nhận	Nhận hồ sơ và gửi khách hàng	- Nhận hồ sơ KSK và gửi khách hàng



QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE

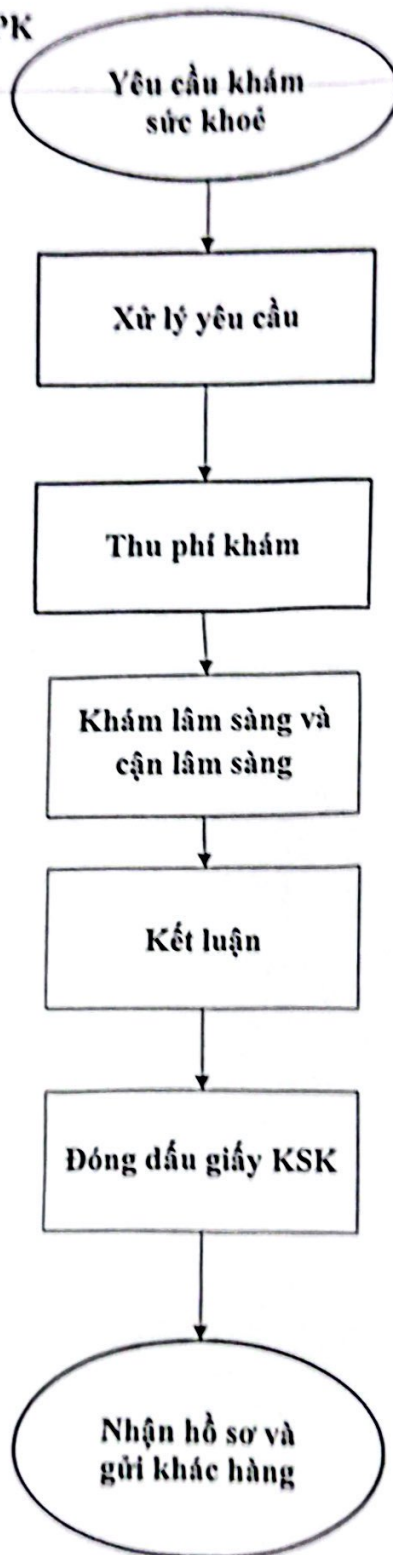
Mã số: **PHDK.QT.12**

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: **18/12/2025**

Trang 9

6 Lưu đồ tổ chức KSK tại PK



	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <i>PKĐK. QT. 12</i>
		Lần ban hành: 04
		Ngày hiệu lực: <i>13/12/2025</i>
		Trang: 10

7 Lưu ý :

- Giấy KSK được cấp 01 (một) bản cho người được KSK và 01 bản lưu tại P.TCHC PK. Thời gian lưu hồ sơ giấy KSK thực hiện theo quy định tại mục 20 nhóm 01 Tài liệu về khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng ban hành kèm theo Thông tư số 53/2017/TT- BYT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu chuyên môn nghiệp vụ ngành y tế. Hồ sơ KSK định kỳ do đơn vị quản lý người được KSK bảo quản và lưu trữ.

- Trường hợp người được KSK có yêu cầu cấp nhiều giấy KSK, thì PK thực hiện nhân bản giấy KSK. Việc nhân bản thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 30/2020/NĐ-CP).

- Thời hạn trả giấy KSK, sổ KSK định kỳ:

+ Đối với trường hợp KSK đơn lẻ: PK trả giấy KSK, sổ KSK định kỳ cho người được KSK trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ khi kết thúc việc KSK, trừ trường hợp phải khám hoặc xét nghiệm bổ sung theo yêu cầu của người thực hiện KSK;

+ Đối với trường hợp KSK tập thể theo hợp đồng: PK trả giấy KSK, sổ KSK định kỳ cho người được KSK theo thỏa thuận đã ghi trong hợp đồng.

- Giá trị sử dụng của giấy KSK, kết quả KSK định kỳ:

+ Giấy KSK có giá trị trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký kết luận sức khỏe;

+ Kết quả KSK định kỳ có giá trị sử dụng theo quy định của pháp luật

- P.KHNV PK có trách nhiệm báo cáo công tác KSK định kỳ 2 lần/năm (ngày 20/6 đối với báo cáo 6 tháng: Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 15/12 năm trước đến 15/6 năm sau; Ngày 20/12 đối với báo cáo năm: Thời gian chốt số liệu tính từ ngày 16/6 đến 14/12 hằng năm) theo biểu mẫu quy định tại Phụ lục 5, bằng văn bản gửi về Sở Y tế. Đồng thời báo cáo nhanh qua link: <http://tinyurl.com/baocaocongtackSK> để Sở Y tế tổng hợp trình Bộ Y tế.

8 Tài liệu chuyên môn

- Quy trình khám bệnh tại phòng khám PKĐK.QT.06 ban hành ngày 30/09/2019

- Quy trình khám sức khỏe đoàn PKĐK.QT.12 ban hành ngày 07/10/2019

9 Tài liệu tham khảo

- Quyết định 1613/BYT-QĐ ngày 15/8/1997 của Bộ Y tế về việc ban hành “tiêu chuẩn phân loại sức khỏe để khám tuyển, khám định kỳ” cho người lao động;

- Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều của luật khám bệnh, chữa bệnh.

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <u>PKĐK. QT. 12</u>
		Lần ban hành: <u>04</u>
		Ngày hiệu lực: <u>13/8/2025</u>
		Trang: <u>11</u>

PHỤ LỤC 1

Mẫu giấy KSK dùng cho người từ đủ 18 tuổi trở lên

ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GKSK-TĐHYKPNT-PKĐK

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Ảnh
(4 x 6 cm) (đóng dấu rập
lại hoặc Scan ảnh)

1. Họ và tên (viết chữ in hoa):
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Sinh Ngày tháng năm (Tuổi:)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD:
5. Cấp ngày/...../..... Tại
6. Chỗ ở hiện tại:

* **Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <u>PKAK. QT. 12</u>
		Lần ban hành: <u>04</u>
		Ngày hiệu lực: <u>12.12.2025</u>
		Trang: <u>12</u>

3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

....., ngày tháng năm
 Người đề nghị khám sức khỏe
 (Ký và ghi rõ họ, tên)



QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE

Mã số: ĐHYK. Q.T. 12

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: 13.8.2025

Trang: 13

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao:cm; - Cân nặng: kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch:lần/phút; - Huyết áp:/..... mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa	
a)	Tuần hoàn: Phân loại:	
b)	Hô hấp: Phân loại:	
c)	Tiêu hóa: Phân loại:	
d)	Thận-Tiết niệu: Phân loại:	
d)	Nội tiết: Phân loại:	
e)	Cơ - xương - khớp: Phân loại:	
g)	Thần kinh: Phân loại:	
h)	Tâm thần: Phân loại:	
2.	Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Phân loại: - Da liễu: Phân loại:	
3.	Sản phụ khoa: Phân loại:	
4.	Mắt:	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: PKĐK. QT. 12
		Lần ban hành: 04
		Ngày hiệu lực: 13.1.8/2025
		Trang: 14

Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....	
Các bệnh về mắt (nếu có):	
Phân loại:	

5. Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực:	
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m	
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
Phân loại:	
6. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên:	
Hàm dưới:.....	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại:	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:
2. Các bệnh, tật (nếu có):
.....
.....

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <u>PHAK. QT. 12</u>
		Lần ban hành: <u>04</u>
		Ngày hiệu lực: <u>13/2/2025</u>
		Trang: <u>15</u>

....., ngày tháng năm

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

Mẫu giấy KSK dùng cho người dưới 18 tuổi

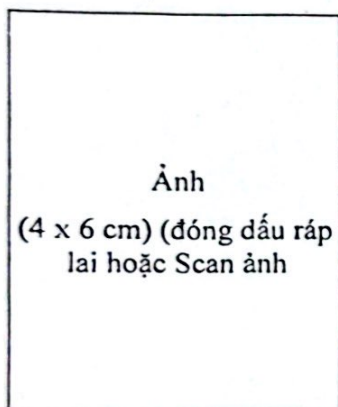
ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GKSK- TĐHYKPNT-PKĐK

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



1. Họ và tên (viết chữ in hoa):
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Sinh Ngày tháng năm (Tuổi:.....)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD:
5. Cấp ngày/...../..... Tại
6. Chỗ ở hiện tại:

* **Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH TẬT

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình mắc các bệnh bẩm sinh hoặc bệnh truyền nhiễm không:

a) Không ☐ b) Có ☐

Nếu “có”, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân:

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <u>PKĐK.CT.12</u>
		Lần ban hành: <u>04</u>
		Ngày hiệu lực: <u>13/8/2025</u>
		Trang: <u>16</u>

a) Sản khoa:

- Bình thường.

- Không bình thường: Đề thiếu tháng; Đề thừa cân; Đề có can thiệp; Đề ngạt; Mẹ bị bệnh trong thời kỳ mang thai (Nếu có cần ghi rõ tên bệnh):

.....

.....

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <u>PKĐK. Q1. 12</u>
		Lần ban hành: <u>04</u>
		Ngày hiệu lực: <u>13. 8. 2025</u>
		Trang: <u>17</u>

b) Tiêm chủng:

STT	Loại vắc xin	Tình trạng tiêm/uống vắc xin		
		Có	Không	Không nhớ rõ
1	BCG			
2	Bạch hầu, ho gà, uốn ván			
3	Sởi			
4	Bại liệt			
5	Viêm não Nhật Bản B			
6	Viêm gan B			
7	Các loại khác			

c) Tiền sử bệnh/tật: (Các bệnh bẩm sinh và mãn tính)

Không ☐ Có ☐

Nếu "có": ghi cụ thể tên bệnh:

d) Hiện tại có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, ghi rõ tên bệnh và liệt kê các thuốc đang dùng:

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

....., ngày tháng năm

Người đề nghị khám sức khỏe
 (Hoặc cha/mẹ hoặc người giám hộ)
 (Ký và ghi rõ họ, tên)

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: PKĐK. QT. 12
		Lần ban hành: 01
		Ngày hiệu lực: 13/8/2025
		Trang: 18

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao:cm; - Cân nặng: kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch:lần/phút; - Huyết áp:...../..... mmHg

Phân loại thể lực:.....

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nhi khoa	
a)	Tuần hoàn:	
b)	Hô hấp:	
c)	Tiêu hóa:	
d)	Thận-Tiết niệu:	
d)	Thần kinh:	
e)	Tâm thần:	
g)	Khám lâm sàng khác:	
2.	Mắt:	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái..... Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
Các bệnh về mắt (nếu có):		
3.	Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		
4.	Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên: Hàm dưới:		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <u>PHDK.QT.12</u>
		Lần ban hành: <u>01</u>
		Ngày hiệu lực: <u>13/8/2025</u>
		Trang: <u>19</u>

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: Kết quả:	

IV. KẾT LUẬN CHUNG:

Sức khỏe bình thường

Hoặc các vấn đề sức khỏe cần lưu ý:

....., ngày, tháng, năm

NGƯỜI KẾT LUẬN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: PKĐK. QT. 12
		Lần ban hành: 04
		Ngày hiệu lực: 13/8/2025
		Trang: 20

PHỤ LỤC 3
Mẫu sổ KSK định lý

ỦY BAN NHÂN DÂN TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GSKS-TĐHYKPNT-PKĐK

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Ảnh

(4 x 6 cm) đóng dấu ráp
lại hoặc Scan ảnh

1. Họ và tên (viết chữ in hoa):
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
3. Sinh Ngày tháng năm (Tuổi:)
4. Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ định danh CD:
5. Cấp ngày/...../..... Tại
6. Chỗ ở hiện tại:
- Số điện thoại liên hệ:

* **Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Nghề nghiệp:
8. Nơi công tác, học tập:
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay:/...../.....
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
 - a)thời gian làm việc
năm tháng từ ngày/...../..... đến/...../.....
 - b)thời gian làm việc
năm tháng từ ngày/...../..... đến/...../.....
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <u>PKAK QT. 12</u>
		Lần ban hành: <u>04</u>
		Ngày hiệu lực: <u>13.10.2025</u>
		Trang: <u>22</u>

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày tháng năm
Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)



QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE

Mã số: PKTK. QT. 12

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: 13/12/2025

Trang: 23

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:
- Tính chất kinh nguyệt: Điều ☐ Không đều ☐
- Chu kỳ kinh: ngày Lượng kinh: ngày
- Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐
- Đã lập gia đình: Có ☐ Không ☐
- PARA:
- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐
- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao:cm; Cân nặng: kg; Chỉ số BMI:

Mạch:lần/phút; Huyết áp:/..... mmHg

Phân loại thể lực:

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám phải khám đầy đủ các nội dung theo chuyên khoa để khẳng định có/hay không có bệnh, tật theo quy định tại Quyết định		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa	
a)	Tuần hoàn: Phân loại:	
b)	Hô hấp: Phân loại:	
c)	Tiêu hóa: Phân loại:	
d)	Thận-Tiết niệu: Phân loại:	
đ)	Nội tiết: Phân loại:	
e)	Cơ - xương - khớp: Phân loại:	

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <u>PKĐK. QT. 12</u>
		Lần ban hành: <u>04</u>
		Ngày hiệu lực: <u>15/11/2025</u>
		Trang: <u>24</u>

g)	Thần kinh:	
	Phân loại:	
h)	Tâm thần:	
	Phân loại:	
2.	Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Phân loại: - Da liễu: Phân loại:	
3.	Sân phụ khoa: Chi tiết nội dung khám theo danh mục tại phụ lục XXV ban hành kèm theo Thông tư này Phân loại:	
4.	Mắt:	
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái..... Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....	
	Các bệnh về mắt (nếu có):	
	Phân loại:	
5.	Tai - Mũi - Họng	
	Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m	
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
	Phân loại:	
6.	Răng - Hàm - Mặt	
	Kết quả khám: Hàm trên: Hàm dưới:.....	
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
	Phân loại:	

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

* Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ: a) Kết quả: b) Đánh giá:	
---	--



QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE

Mã số: PKAK. QT. 12

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: 13.18.2025

Trang: 26

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:

2. Các bệnh, tật (nếu có):

.....

.....

.....

TP.HCM, ngày tháng năm

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: <u>PKAK. QT. 12</u>
		Lần ban hành: <u>04</u>
		Ngày hiệu lực: <u>13.8.2025</u>
		Trang: <u>27</u>

PHỤ LỤC 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

DANH MỤC KHÁM CHUYÊN KHOA PHỤ SẢN TRONG KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ CHO LAO ĐỘNG NỮ

TT	NỘI DUNG KHÁM	GHI CHÚ
I.	Khám phụ khoa	
1.	Khám vùng bụng dưới và vùng bẹn.	
2.	Khám bộ phận sinh dục ngoài.	
3.	Khám âm đạo bằng mỏ vịt kết hợp quan sát cổ tử cung bằng mắt thường.	Chỉ thực hiện nếu tiếp cận được bằng đường âm đạo và có sự đồng ý của lao động nữ sau khi được nhân viên y tế tư vấn.
4.	Khám âm đạo phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay).	
5.	Khám trực tràng phối hợp nắn bụng (khám bằng hai tay).	Chỉ thực hiện nếu <u>không</u> tiếp cận được bằng đường âm đạo hoặc bệnh cảnh cụ thể đòi hỏi phải đánh giá thêm bằng khám trực tràng. - Chỉ thực hiện nếu có sự đồng ý của lao động nữ sau khi được nhân viên y tế tư vấn.
II.	Sàng lọc ung thư cổ tử cung Thực hiện sàng lọc, phát hiện sớm tổn thương cổ tử cung bằng ít nhất một trong các kỹ thuật sau:	- Chỉ thực hiện nếu tiếp cận được bằng đường âm đạo và có sự đồng ý của lao động nữ sau khi được nhân viên y tế tư vấn. - Thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế.
1.	Nghiệm pháp quan sát cổ tử cung với dung dịch Acid Acetic (VIA test)	
2.	Nghiệm pháp quan sát cổ tử cung với dung dịch Lugol (VILI test)	
3.	Xét nghiệm tế bào cổ tử cung	
4.	Xét nghiệm HPV	
III	Sàng lọc ung thư vú Thực hiện sàng lọc, phát hiện sớm tổn thương	



QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE

Mã số: ĐKĐK. QT. 12

Lần khám lần thứ: 04

Ngày khám lần: 13/8/2025

Trang: 28

vũ bằng ít nhất một trong các kỹ thuật sau:

1. Khám lâm sàng vú
2. Siêu âm tuyến vú hai bên
3. Chụp Xquang tuyến vú

IV. Siêu âm từ cung-phản phụ (khi có chỉ định của bác sỹ khám)

	QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE	Mã số: PKAK.QT.12
		Lần ban hành: 04
		Ngày hiệu lực: 13/8/2025
		Trang: 29

PHỤ LỤC 5

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC KHÁM SỨC KHỎE

I. Mẫu báo cáo của cơ sở khám sức khỏe

1. Mốc thời gian báo cáo

- Báo cáo số liệu 6 tháng đầu năm:
- + Thời gian chốt số liệu: tính từ 15/12 năm trước đến 15/6 năm sau
- + Thời hạn nộp: 20/6 hằng năm
- Báo cáo số liệu năm:
- + Thời gian chốt số liệu: tính từ 16/6-14/12 hằng năm
- + Thời hạn nộp: 20/12 hằng năm

2. Số liệu báo cáo

- Thông tin của đơn vị (Tên đơn vị, địa chỉ liên hệ, số điện thoại, đầu mối liên hệ)
- Tổng số lượt KSK không có yếu tố nước ngoài:
- Tổng số lượt KSK có yếu tố nước ngoài:
- Tổng số lượt KSK định kỳ:

Ghi chú: Báo cáo gửi về Sở Y tế hoặc Y, tế Bộ, ngành quản lý trực tiếp

3. Khó khăn, kiến nghị, đề xuất

II. Mẫu báo cáo của Sở Y tế, Y tế Bộ, ngành

1. Mốc thời gian báo cáo

- Báo cáo số liệu 6 tháng đầu năm:
- + Thời gian chốt số liệu: tính từ 15/12 năm trước đến 15/6 năm sau
- + Thời hạn nộp: 30/6 hằng năm
- Báo cáo số liệu năm:
- + Thời gian chốt số liệu: tính từ 16/6-14/12 hằng năm
- + Thời hạn nộp: 30/12 hằng năm



QUY TRÌNH KHÁM SỨC KHỎE

Mã số: PHKH CT. 12

Lần ban hành: 04

Ngày hiệu lực: 13.8.2015

Trang: 30

2. Số liệu báo cáo

- Danh sách lũy tích cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công bố đủ điều kiện KSK (Tên cơ sở, địa chỉ liên hệ, số điện thoại, đầu mối liên hệ)
- Tổng số cơ sở KBCB đủ điều kiện thực hiện KSK không có yếu tố nước ngoài:
- Tổng số cơ sở KBCB đủ điều kiện thực hiện KSK có yếu tố nước ngoài:
- Tổng số lượt KSK không có yếu tố nước ngoài:
- Tổng số lượt KSK có yếu tố nước ngoài:
- Tổng số lượt KSK định kỳ:

3. Khó khăn, kiến nghị, đề xuất